TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin,

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh B, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 22 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Trần Thanh B trình bày: Tôi và chị Nguyễn Ngọc A chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 05/5/2004. Sau khi cưới, vợ chồng tôi cất nhà ra ở riêng và chung sống hạnh phúc được một thời gian dài đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, tôi đã có trao đổi và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên tôi yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ngọc A.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Thảo V, sinh

ngày 23/9/2007 và Trần Hoàng S, sinh ngày 04/8/2014. Sau khi ly hôn, tôi đồng ý giao hai con cho chị A nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết và các thủ tục theo pháp luật quy định. Chị A có tham dự phiên hòa giải ngày 16/5/2019, sau đó vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Thanh B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc A; chị A hiện có địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (Công an xã xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn chị A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ánh và anh B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 05/5/2004 nên hôn nhân giữa Anh Chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình chung sống, anh B cho rằng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, anh B đã có trao đổi và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Tại biên bản hòa giải vào ngày 16/5/2019, chị A cho rằng, tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị còn thương chồng, thương con nên Chị không đồng ý ly hôn, muốn có thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã tống đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị A vẫn vắng mặt, chứng tỏ chị A không có thiện chí để hàn gắn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của Anh Chị không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị A là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, anh B và chị A có 02 con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 23/9/2007 và Trần Hoàng S, sinh ngày 04/8/2014, hai con hiện đang sinh sống với chị A. Sau khi ly hôn, anh B đồng ý giao hai

con cho chị A nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải vào ngày 16/5/2019, chị A nêu, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì chị A yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung giữa anh B, chị A phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

[5]. Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải vào ngày 16/5/2019, chị A, anh B nêu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Tại biên bản hòa giải vào ngày 16/5/2019, chị A, anh B nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh B đối với chị Nguyễn Ngọc A về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh B được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc A.

- Về con chung: Chị A được quyền tiếp tục nuôi hai con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 23/9/2007 và Trần Hoàng S, sinh ngày 04/8/2014, hai con hiện đang sinh sống với chị A. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị A không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con

cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004572 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Anh B đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đức Hòa Đông;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Sơn